BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Nguyên lý kế toán - 1104007 Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: 110400704 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____ Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210090253	Đặng Diệp linh	**Đan**	29/10/1994		6	sáu	C14QT3	
2	1210090254	Hồ Thị Trang	**Đài**	28/09/1994				C14QT3	
3	1210090249	Nguyễn Bá	**Đại**	24/03/1994		1	một	C14QT3	
4	1210090250	Nguyễn Thành	**Đạt**	12/07/1994		3,5	ba phẩy năm	C14QT3	
5	1210090251	Tăng Quốc	**Đạt**	03/11/1993		00	không	C14QT3	
6	1210090315	Nguyễn Ngọc	**Điền**	05/09/1993		8,5	tám phẩy năm	C14QT3	
7	1210090316	Nguyễn Thanh	**Điền**	29/01/1994		9	chín	C14QT3	
8	1210090317	Phan Thị Đình	**Điền**	13/10/1994		6,5	sáu phẩy năm	C14QT3	
9	1210090318	Võ	**Điền**	20/09/1994		2	hai	C14QT3	
10	1210090319	Từ Thị	**Điệp**	20/08/1993		2	hai	C14QT3	
11	1210090320	Nguyễn Nhã	**Đình**	10/09/1994		8	tám	C14QT3	
12	1210090323	Lê Tấn Bảo	**Định**	26/11/1994		9,5	chín phẩy năm	C14QT3	
13	1210090322	Trần Đặng Phương	**Đông**	25/08/1992		1	một	C14QT3	
14	1210090321	Trần Minh	**Đông**	20/10/1994		8	tám	C14QT3	
15	1210090324	Trần Thành	**Được**	31/05/1993		00	không	C14QT3	
16	1210090327	Đinh Mậu	**Đức**	29/03/1993				C14QT3	
17	1210090328	Đỗ Tài	**Đức**	06/02/1994		1	một	C14QT3	
18	1210090241	Trần Tuyết	**Hạnh**	14/06/1994		4	bốn	C14QT3	
19	1210090242	Ngô Thị Hoài	**Liên**	05/07/1994		3,5	ba phẩy năm	C14QT3	
20	1210090244	Thạch Ngọc	**Minh**	16/04/1993		9	chín	C14QT3	
21	1210090245	Võ Hoàng	**Minh**	18/11/1994				C14QT3	
22	1210090246	Nguyễn Mỹ Thúy	**Mơ**	22/05/1994		8,5	tám phẩy năm	C14QT3	
23	1210090252	Phạm Hoài	**Nam**	16/04/1994		2	hai	C14QT3	
24	1210090255	Nguyễn Thị Thanh	**Nga**	28/12/1994				C14QT3	
25	1210090256	Bùi Thị Tuyết	**Ngân**	26/03/1993		10	mười	C14QT3	
26	1210090257	Lê Thị Bích	**Ngân**	07/01/1994		1,5	một phẩy năm	C14QT3	
27	1210090258	Lê Thị Kim	**Ngân**	02/06/1994				C14QT3	
28	1210090259	Nguyễn Thị Kim	**Ngân**	17/10/1993				C14QT3	
29	1210090260	Nguyễn Thị Thùy	**Ngân**	18/04/1994		8	tám	C14QT3	
30	1210090261	Nguyễn Tuyết	**Ngân**	17/01/1993		8	tám	C14QT3	
31	1210090262	Phan Diệu Giang	**Ngân**	26/10/1994		3	ba	C14QT3	
32	1210090263	Trần Hoàng Tố	**Ngân**	20/04/1994		00	không	C14QT3	
33	1210090264	Trần Thị	**Ngân**	29/06/1993		3	ba	C14QT3	
34	1210090265	Trần Thị Thúy	**Ngân**	10/11/1994		9	chín	C14QT3	

	ã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
	10090267	Dương Văn	Nghĩa	20/04/1994		5	năm	C14QT3	
	1210090268	Hoàng Thị Thùy	Ngọc	17/08/1993		2	hai	C14QT3	
	1210090269	Lê Thị	Ngọc	06/11/1993		3,5	ba phẩy năm	C14QT3	
38	1210090270	Nguyễn Lê Hồng	Ngọc	03/10/1994		5	năm	C14QT3	
39	1210090271	Nguyễn Như	Ngọc	28/06/1993		8,5	tám phẩy năm	C14QT3	
40	1210090272	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	18/11/1994				C14QT3	
41	1210090273	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	12/08/1994		2	hai	C14QT3	
42	1210090274	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	12/07/1994		2	hai	C14QT3	
43	1210090275	Nguyễn Thị Phương	Ngọc	03/01/1994		3	ba	C14QT3	
44	1210090276	Nguyễn Tú Hoàng	Ngọc	01/03/1994		10	mười	C14QT3	
45	1210090278	Vũ Kiều Khánh	Ngọc	26/05/1994				C14QT3	
46	1210090283	Đỗ Thị Thảo	Nguyên	15/07/1994		9,5	chín phẩy năm	C14QT3	
47	1210090279	Huỳnh Thị Phương	Nguyên	03/04/1994		8,5	tám phẩy năm	C14QT3	
48	1210090280	Ngô Khôi	Nguyên	10/02/1994				C14QT3	
49	1210090282	Nguyễn Thị	Nguyên	21/06/1994		10	mười	C14QT3	
50	1210090284	Võ Ngọc Xuân	Nguyên	21/09/1994		2	hai	C14QT3	
51	1210090289	Phan Thị Thanh	Nhàn	15/08/1994		7,5	bảy phẩy năm	C14QT3	
52	1210090288	Đoàn Thị Thanh	Nhã	02/06/1994		8,5	tám phẩy năm	C14QT3	
53	1210090287	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	14/04/1994		6	sáu	C14QT3	
54	1210090285	Ngô Thành	Nhân	22/09/1994		8	tám	C14QT3	
55	1210090286	Phạm Đỗ Trung	Nhân	31/12/1994		6	sáu	C14QT3	
56	1210090290	Huỳnh Thị Ngọc	Nhi	14/03/1994		7	bảy	C14QT3	
57	1210090291	Lê Trần Ý	Nhi	15/10/1994		8,5	tám phẩy năm	C14QT3	
58	1210090292	Mai Thị Oanh	Nhi	20/05/1994		9	chín	C14QT3	
59	1210090293	Nguyễn Thị Vân	Nhi	10/09/1994		8	tám	C14QT3	
60	1210090294	Nguyễn Trương Yến	Nhi	08/09/1993				C14QT3	
61	1210090296	Trương Thị Uyên	Nhi	29/01/1994		5,5	năm phẩy năm	C14QT3	
62	1210090297	Võ Thị Yến	Nhi	10/09/1994				C14QT3	
63	1210090298	Vương Kiều	Nhi	12/03/1994		8,5	tám phẩy năm	C14QT3	
64	1210090299	Nguyễn Thị	Nhiên	06/06/1994		5	năm	C14QT3	
65	1210090307	Huỳnh Kim	Nhu	19/11/1994		3,5	ba phẩy năm	C14QT3	
66	1210090308	Lê Hoàng	Nhung	13/01/1994		7	bảy	C14QT3	
67	1210090309	Lê Thị Cẩm	Nhung	08/09/1994				C14QT3	
68	1210090310	Ngô Thị Tuyết	Nhung	15/07/1994		6	sáu	C14QT3	
69	1210090311	Nguyễn Thị	Nhung	03/02/1993		6,5	sáu phẩy năm	C14QT3	
70	1210090312	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/11/1994				C14QT3	
71	1210090313	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	29/05/1994		9,5	chín phẩy năm	C14QT3	
72	1210090302	Đỗ Thị Quỳnh	Như	07/03/1994		6,5	sáu phẩy năm	C14QT3	
73	1210090300	Huỳnh	Như	13/02/1992		8	tám	C14QT3	
74	1210090301	Nguyễn Thụy Quỳnh	Như	26/06/1994		5,5	năm phẩy năm	C14QT3	
75	1210090303	Trần Thị Ánh	Như	02/10/1994		9	chín	C14QT3	
76	1210090304	Triệu Thị Huỳnh	Như	14/10/1993		5	năm	C14QT3	
77	1210090306	Lê Thị	Nhứt	20/05/1994		6,5	sáu phẩy năm	C14QT3	
78	1210090305	Nguyễn Phương Minh	Nhựt	01/01/1994		4	bốn	C14QT3	

	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
	1210090325	Bùi Thị Mỹ	**Nương**	25/10/1993		8,5	tám phẩy năm	C14QT3	
	1210090329	Nguyễn Thị	**Oanh**	25/10/1994		1	một	C14QT3	
81	1210090330	Phan Thị Trúc	**Oanh**	02/12/1994		4	bốn	C14QT3	
82	1210090331	Vương Ngọc	**Oanh**	04/12/1994		8,5	tám phẩy năm	C14QT3	
83	1210090332	Cao Minh	**Phát**	27/02/1994		2	hai	C14QT3	
84	1210090334	Nguyễn Thành	**Phát**	17/08/1994				C14QT3	
85	1210090335	Phạm Tấn	**Phát**	28/12/1992				C14QT3	
86	1210090336	Trương Hồng	**Phát**	26/03/1994				C14QT3	
87	1210090337	Võ Hữu	**Phát**	23/05/1994		6,5	sáu phẩy năm	C14QT3	
88	1210090338	Lê Thị Quí	**Phi**	15/06/1994		2	hai	C14QT3	
89	1210090339	Nguyễn Hữu	**Phi**	28/07/1991		7	bảy	C14QT3	
90	1210090340	Nguyễn Ngọc Mạnh	**Phi**	30/04/1994		8,5	tám phẩy năm	C14QT3	
91	1210090341	Nguyễn Văn	**Phi**	20/10/1994		1	một	C14QT3	
92	1210090354	Lê Văn	**Phú**	06/02/1993				C14QT3	
93	1210090356	Nguyễn Trung	**Phúc**	01/01/1994		10	mười	C14QT3	
94	1210090343	Huỳnh Ái	**Phương**	31/12/1994		8	tám	C14QT3	
95	1210090344	Lê Thanh	**Phương**	16/12/1994		9	chín	C14QT3	
96	1210090345	Mạch Diễm	**Phương**	24/04/1994		8,5	tám phẩy năm	C14QT3	
97	1210090346	Nguyễn Công	**Phương**	02/11/1994		8,5	tám phẩy năm	C14QT3	
98	1210090347	Nguyễn Thanh	**Phương**	11/12/1994		8	tám	C14QT3	
99	1210090348	Nguyễn Vũ Đức	**Phương**	28/04/1994		7,5	bảy phẩy năm	C14QT3	
100	1210090349	Phạm Hoàng	**Phương**	10/01/1994		6,5	sáu phẩy năm	C14QT3	
101	1210090350	Phạm Thị Quế	**Phương**	09/11/1994		8,5	tám phẩy năm	C14QT3	
102	1210090351	Phạm thị thu	**Phương**	22/11/1994		8,5	tám phẩy năm	C14QT3	
103	1210090353	Đoàn Văn	**Phước**	16/07/1994		8	tám	C14QT3	
104	1210090342	Nguyễn Thị Tuyết	**Phượng**	27/04/1994		2	hai	C14QT3	
105	1210090357	Trương Thị Thùy	**Trang**	27/06/1994		8	tám	C14QT3	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Nguyên lý kế toán - 1104007
Mã lớp học phần: 110400704 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy:
Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: Văn Hình Ký tên:
Giám thị 2: Ng. Hoa Ký tên:
Giám thị 3: K. Nhi Ký tên:
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210090253	Đặng Diệp linh	**Đan**	29/10/1994			5,5	năm mươi.	C14QT3	
2	1210090254	Hồ Thị Trang	**Đài**	28/09/1994					C14QT3	✓
3	1210090249	Nguyễn Bá	**Đại**	24/03/1994			9	chín	C14QT3	
4	1210090250	Nguyễn Thành	**Đạt**	12/07/1994			8,5	tám mươi.	C14QT3	
5	1210090251	Tăng Quốc	**Đạt**	03/11/1993			5,5	năm mươi.	C14QT3	
6	1210090315	Nguyễn Ngọc	**Điền**	05/09/1993			4,5	bốn mươi.	C14QT3	
7	1210090316	Nguyễn Thanh	**Điền**	29/01/1994			4,5	bốn mươi.	C14QT3	
8	1210090317	Phan Thị Đình	**Điền**	13/10/1994			10	mười.	C14QT3	
9	1210090318	Võ	**Điền**	20/09/1994			2,5	hai mươi.	C14QT3	
10	1210090319	Từ Thị	**Điệp**	20/08/1993			8	tám	C14QT3	
11	1210090320	Nguyễn Nhã	**Đình**	10/09/1994			6	sáu	C14QT3	
12	1210090323	Lê Tấn Bảo	**Định**	26/11/1994			5	năm	C14QT3	
13	1210090322	Trần Đặng Phương	**Đông**	25/08/1992			6,5	sáu mươi.	C14QT3	
14	1210090321	Trần Minh	**Đông**	20/10/1994			6	sáu	C14QT3	
15	1210090324	Trần Thành	**Được**	31/05/1993					C14QT3	✓
16	1210090327	Đinh Mậu	**Đức**	29/03/1993					C14QT3	✓
17	1210090328	Đỗ Tài	**Đức**	06/02/1994			1	một	C14QT3	
18	1210090241	Trần Tuyết	**Hạnh**	14/06/1994			4,5	bốn mươi.	C14QT3	
19	1210090242	Ngô Thị Hoài	**Liên**	05/07/1994			6,5	sáu mươi.	C14QT3	
20	1210090244	Thạch Ngọc	**Minh**	16/04/1993			10	mười.	C14QT3	
21	1210090245	Võ Hoàng	**Minh**	18/11/1994					C14QT3	✓
22	1210090246	Nguyễn Mỹ Thúy	**Mơ**	22/05/1994			7	bảy	C14QT3	
23	1210090252	Phạm Hoài	**Nam**	16/04/1994			8	tám	C14QT3	
24	1210090255	Nguyễn Thị Thanh	**Nga**	28/12/1994					C14QT3	✓
25	1210090256	Bùi Thị Tuyết	**Ngân**	26/03/1993			9,5	chín mươi.	C14QT3	
26	1210090257	Lê Thị Bích	**Ngân**	07/01/1994			2,5	hai mươi.	C14QT3	
27	1210090258	Lê Thị Kim	**Ngân**	02/06/1994					C14QT3	✓
28	1210090259	Nguyễn Thị Kim	**Ngân**	17/10/1993					C14QT3	✓
29	1210090260	Nguyễn Thị Thùy	**Ngân**	18/04/1994			8	tám	C14QT3	
30	1210090261	Nguyễn Tuyết	**Ngân**	17/01/1993			8,5	tám mươi.	C14QT3	
31	1210090262	Phan Diệu Giang	**Ngân**	26/10/1994			1	một	C14QT3	
32	1210090263	Trần Hoàng Tố	**Ngân**	20/04/1994					C14QT3	✓
33	1210090264	Trần Thị	**Ngân**	29/06/1993			2,5	hai mươi.	C14QT3	
34	1210090265	Trần Thị Thúy	**Ngân**	10/11/1994			10	mười.	C14QT3	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	1210090267	Dương Văn	Nghĩa	20/04/1994			10	mười	C14QT3	
36	1210090268	Hoàng Thị Thùy	Ngọc	17/08/1993			9,5	chín mươi	C14QT3	
37	1210090269	Lê Thị	Ngọc	06/11/1993			6,5	sáu mươi	C14QT3	
38	1210090270	Nguyễn Lê Hồng	Ngọc	03/10/1994			8	tám	C14QT3	
39	1210090271	Nguyễn Như	Ngọc	28/06/1993			5	năm	C14QT3	
40	1210090272	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	18/11/1994					C14QT3	✓
41	1210090273	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	12/08/1994			6,5	sáu mươi	C14QT3	
42	1210090274	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	12/07/1994			4	bốn	C14QT3	
43	1210090275	Nguyễn Thị Phương	Ngọc	03/01/1994			2,5	hai mươi	C14QT3	
44	1210090276	Nguyễn Tú Hoàng	Ngọc	01/03/1994			7,5	bảy mươi	C14QT3	
45	1210090278	Vũ Kiều Khánh	Ngọc	26/05/1994					C14QT3	✓
46	1210090283	Đỗ Thị Thảo	Nguyên	15/07/1994			5	năm	C14QT3	
47	1210090279	Huỳnh Thị Phương	Nguyên	03/04/1994			8,5	tám mươi	C14QT3	
48	1210090280	Ngô Khôi	Nguyên	10/02/1994					C14QT3	✓
49	1210090282	Nguyễn Thị	Nguyên	21/06/1994			9	chín	C14QT3	
50	1210090284	Võ Ngọc Xuân	Nguyên	21/09/1994			8	tám	C14QT3	
51	1210090289	Phan Thị Thanh	Nhàn	15/08/1994			5	năm	C14QT3	
52	1210090288	Đoàn Thị Thanh	Nhã	02/06/1994			8,5	tám mươi	C14QT3	
53	1210090287	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	14/04/1994			6,5	sáu mươi	C14QT3	
54	1210090285	Ngô Thành	Nhân	22/09/1994			6,5	sáu mươi	C14QT3	
55	1210090286	Phạm Đỗ Trung	Nhân	31/12/1994			4	bốn	C14QT3	
56	1210090290	Huỳnh Thị Ngọc	Nhi	14/03/1994			5	năm	C14QT3	
57	1210090291	Lê Trần Ý	Nhi	15/10/1994			5	năm	C14QT3	
58	1210090292	Mai Thị Oanh	Nhi	20/05/1994			10	mười	C14QT3	
59	1210090293	Nguyễn Thị Vân	Nhi	10/09/1994			9	chín	C14QT3	
60	1210090294	Nguyễn Trương Yến	Nhi	08/09/1993					C14QT3	✓
61	1210090296	Trương Thị Uyên	Nhi	29/01/1994			2,5	hai mươi	C14QT3	
62	1210090297	Võ Thị Yến	Nhi	10/09/1994					C14QT3	✓
63	1210090298	Vương Kiều	Nhi	12/03/1994			9,5	chín mươi	C14QT3	
64	1210090299	Nguyễn Thị	Nhiên	06/06/1994			7	bảy	C14QT3	
65	1210090307	Huỳnh Kim	Nhu	19/11/1994			3	ba	C14QT3	
66	1210090308	Lê Hoàng	Nhung	13/01/1994			7,5	bảy mươi	C14QT3	
67	1210090309	Lê Thị Cẩm	Nhung	08/09/1994					C14QT3	✓
68	1210090310	Ngô Thị Tuyết	Nhung	15/07/1994			7,5	bảy mươi	C14QT3	
69	1210090311	Nguyễn Thị	Nhung	03/02/1993			7,5	bảy mươi	C14QT3	
70	1210090312	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/11/1994					C14QT3	✓
71	1210090313	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	29/05/1994			8,5	tám mươi	C14QT3	
72	1210090302	Đỗ Thị Quỳnh	Như	07/03/1994			3,5	ba mươi	C14QT3	
73	1210090300	Huỳnh	Như	13/02/1992			3,5	ba mươi	C14QT3	
74	1210090301	Nguyễn Thụy Quỳnh	Như	26/06/1994			2,5	hai mươi	C14QT3	
75	1210090303	Trần Thị Ánh	Như	02/10/1994			10	mười	C14QT3	
76	1210090304	Triệu Thị Huỳnh	Như	14/10/1993			8	tám	C14QT3	
77	1210090306	Lê Thị	Nhứt	20/05/1994			4	bốn	C14QT3	
78	1210090305	Nguyễn Phương Minh	Nhựt	01/01/1994			0	không	C14QT3	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
79	1210090325	Bùi Thị Mỹ	**Nương**	25/10/1993			6,5	sáu mươi	C14QT3	
80	1210090329	Nguyễn Thị	**Oanh**	25/10/1994			0,5	không năm	C14QT3	
81	1210090330	Phan Thị Trúc	**Oanh**	02/12/1994			7	bảy	C14QT3	
82	1210090331	Vương Ngọc	**Oanh**	04/12/1994			5,5	năm mươi	C14QT3	
83	1210090332	Cao Minh	**Phát**	27/02/1994			6	sáu	C14QT3	
84	1210090334	Nguyễn Thành	**Phát**	17/08/1994					C14QT3	✓
85	1210090335	Phạm Tấn	**Phát**	28/12/1992					C14QT3	✓
86	1210090336	Trương Hồng	**Phát**	26/03/1994					C14QT3	✓
87	1210090337	Võ Hữu	**Phát**	23/05/1994			6,5	sáu mươi	C14QT3	
88	1210090338	Lê Thị Quí	**Phi**	15/06/1994			8,5	tám mươi	C14QT3	
89	1210090339	Nguyễn Hữu	**Phi**	28/07/1991			6,0	sáu	C14QT3	
90	1210090340	Nguyễn Ngọc Mạnh	**Phi**	30/04/1994			5,5	năm mươi	C14QT3	
91	1210090341	Nguyễn Văn	**Phi**	20/10/1994			7	bảy	C14QT3	
92	1210090354	Lê Văn	**Phú**	06/02/1993					C14QT3	✓
93	1210090356	Nguyễn Trung	**Phúc**	01/01/1994			5	năm	C14QT3	
94	1210090343	Huỳnh Ái	**Phương**	31/12/1994			9	chín	C14QT3	
95	1210090344	Lê Thanh	**Phương**	16/12/1994			3	ba	C14QT3	
96	1210090345	Mạch Diễm	**Phương**	24/04/1994			9	chín	C14QT3	
97	1210090346	Nguyễn Công	**Phương**	02/11/1994			9	chín	C14QT3	
98	1210090347	Nguyễn Thanh	**Phương**	11/12/1994			9,5	chín mươi	C14QT3	
99	1210090348	Nguyễn Vũ Đức	**Phương**	28/04/1994			6,5	sáu mươi	C14QT3	
100	1210090349	Phạm Hoàng	**Phương**	10/01/1994			7,5	bảy mươi	C14QT3	
101	1210090350	Phạm Thị Quế	**Phương**	09/11/1994			8	tám	C14QT3	
102	1210090351	Phạm thị thu	**Phương**	22/11/1994			1	một	C14QT3	
103	1210090353	Đoàn Văn	**Phước**	16/07/1994			3,0	ba	C14QT3	
104	1210090342	Nguyễn Thị Tuyết	**Phượng**	27/04/1994			3,0	ba	C14QT3	
105	1210090357	Trương Thị Thùy	**Trang**	27/06/1994			8,5	tám mươi	C14QT3	

Lưu ý: *sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 06 ... 10 ... 10